TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **107**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 212 và 213, Khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* giữa:

Người yêu cầu:

- **Chị Bùi Thị T, sinh năm 1991.** CCCD số 015191000002.

- Anh Nông Quốc T1, sinh năm 1989. CCCD số 015089000014.

Cùng nơi thường trú: Căn hộ 803 – CC A14 HVQP – TDP H, phường N, thành phố Hà Nội. Cùng nơi ở hiện tại: Căn hộ A, Tòa N03T5, Khu Đ, phường X, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nông Quốc T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là xã Y, tỉnh Lào Cai) vào ngày 26/9/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến tháng 01/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống, cãi vã, xúc phạm nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Anh chị xác định không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không còn

đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Anh chị cùng đề nghị Toà án công nhận cho chúng tôi thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nông Quốc D, sinh ngày 15/12/2013 và cháu Nông Bùi Hà P, sinh ngày 26/11/2018. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận, anh T1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả cháu D và cháu P. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2026 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chị Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 15 tháng 01 năm 2026, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Anh Nông Quốc T1 và chị Bùi Thị T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Nông Quốc T1 và chị Bùi Thị T có 02 con chung là cháu Nông Quốc D, sinh ngày 15/12/2013 và cháu Nông Bùi Hà P, sinh ngày 26/11/2018. Anh T2 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả cháu D và cháu P cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi, thỏa thuận khác. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T, mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 02/2026 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi, thỏa thuận khác.

Chị Bùi Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Nông Quốc T1 và chị Bùi Thị T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án Ký hiệu: BLTU/25E số 0001066 ngày 14/01/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Hà Nội;
-VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;
- UBND xã Mỹ Gia, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (nay là xã Yên Thành, tỉnh Lào Cai) (Số 08, quyển số 01/2011 ngày 26/9/2011);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thúy Anh